

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG PLEIKU**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	81.232	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	24.989	
-	Thuế giá trị gia tăng	24.858	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	122	
-	Thuế tài nguyên	9	
2	Lệ phí trước bạ	6.040	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	1.910	
4	Thuế thu nhập cá nhân	28.330	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	18.000	
7	Phí và lệ phí	1.589	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	1.589	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	130	
10	Thu khác và phạt các loại	244	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	244	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (I)	147.634	
1	Chi đầu tư phát triển	12.960	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	12.960	
2	Chi thường xuyên (2)	125.650	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 78.752 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	59.779	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 59.411 triệu đồng
3	Dự phòng chi	1.255	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	7.769	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 7.685 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	84	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	84	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.685	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	7.335	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	6.753	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
+	Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội (Kinh phí thực hiện Nghị định 81/NĐ-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập)	582	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	350	
+	Hỗ trợ kinh phí Tiểu đội dân quân thường trực	350	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	118.207	
1	Bổ sung cân đối	31.686	
2	Bổ sung mục tiêu	7.769	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	78.752	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	54.301	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.453	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp	4.379	
+	Quỹ tiền thưởng	230	
+	Kinh phí hoạt động	844	
-	Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin, TDTT, PTTH chuyển về cấp xã quản lý	7.052	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	11.946	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	6.783	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	53	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	17	
+	Kinh phí thực hiện Nghị định 81/NĐ-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	520	
+	Kinh phí khen thưởng sự nghiệp giáo dục	710	
+	Kinh phí tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi; bồi dưỡng chính trị hè, chuyên đề; các hoạt động sự nghiệp giáo dục	151	
+	Dự kiến quỹ lương tăng thêm và lương biên chế chưa tuyển, các nhiệm vụ chi khác phát sinh của sự nghiệp giáo dục	3.712	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách phường từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 86.437 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG HỘI PHÚ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	33.208	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.087	
-	Thuế giá trị gia tăng	8.036	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	45	
-	Thuế tài nguyên	6	
2	Lệ phí trước bạ	5.309	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	1.008	
4	Thuế thu nhập cá nhân	17.434	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	476	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	476	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	78	
10	Thu khác và phạt các loại	816	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	816	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (1)	71.778	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	71.174	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về phường (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 42.169 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.555	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về phường (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 36.334 triệu đồng
3	Dự phòng chi	604	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh		
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	63.977	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	Bổ sung cân đối	21.808	
2	Bổ sung mục tiêu		
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	42.169	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	36.334	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về phường	1.999	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	3.836	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	3.763	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	73	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp phường hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách phường từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 42.169 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG THỐNG NHẤT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	29.037	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.833	
-	Thuế giá trị gia tăng	9.734	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	97	
-	Thuế tài nguyên	2	
2	Lệ phí trước bạ	3.013	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	1.017	
4	Thuế thu nhập cá nhân	14.313	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	535	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	535	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	79	
10	Thu khác và phạt các loại	246	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	246	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (1)	85.062	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	78.681	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 50.298 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.094	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 43.873 triệu đồng
3	Dự phòng chi	585	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	5.796	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 5.696 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.796	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	5.696	
+	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>		
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	4.951	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
+	<i>Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội (kinh phí thực hiện Nghị định 81/NĐ-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập)</i>	745	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	100	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã		
+	Hỗ trợ kinh phí Tiễu đội dân quân thường trực		
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng	100	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	78.465	
1	Bổ sung cân đối	22.371	
2	Bổ sung mục tiêu	5.796	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	50.298	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	40.478	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp phường	2.353	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.730	
+	Quỹ tiền thưởng	250	
+	Kinh phí hoạt động	373	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	7.467	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.038	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	83	
+	Chi sự nghiệp đào tạo		
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	34	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	23	
+	Chi phí khen thưởng sự nghiệp giáo dục	451	
+	Kinh phí tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi; Bồi dưỡng chính trị hệ, chuyên đề; các hoạt động sự nghiệp giáo dục	116	
+	Kinh phí sự nghiệp giáo dục khác, bao gồm: Dự kiến quỹ lương tăng thêm và lương biên chế chưa tuyển, các nhiệm vụ chi khác phát sinh	2.722	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 55.994 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG DIỄN HỒNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	58.130	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	21.975	
-	Thuế giá trị gia tăng	21.600	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	343	
-	Thuế tài nguyên	32	
2	Lệ phí trước bạ	3.623	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	1.900	
4	Thuế thu nhập cá nhân	22.247	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	6.800	
7	Phí và lệ phí	1.389	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	1.389	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	123	
10	Thu khác và phạt các loại	73	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hương	73	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (1)	113.278	
1	Chi đầu tư phát triển	4.896	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hương	4.896	
2	Chi thường xuyên (2)	101.023	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 59.309 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	50.015	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 49.721 triệu đồng
3	Dự phòng chi	978	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	6.381	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 6.381 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.381	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	6.381	
+	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>		
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	5.625	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
+	<i>Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội (kinh phí thực hiện Nghị định 81/ND-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập)</i>	756	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
+	<i>Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã</i>		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Hỗ trợ kinh phí Tiêu đội dân quân thường trực		
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng		
+	Hỗ trợ tổ chức Tuần lễ Hoa Dã Quỳ - Núi lửa Chư Đăng Ya, huyện Chư Păh; tổ chức sự kiện, hoạt động, lễ hội cấp tỉnh tại Khu di tích Tây Sơn Thượng Đạo		
+	Kinh phí thực hiện dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử quốc gia đặc biệt Quần thể di tích Tây Sơn Thượng đạo		
+	Kinh phí phục vụ tổ chức Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHẦN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	94.920	
1	Bổ sung cân đối	29.230	
2	Bổ sung mục tiêu	6.381	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	59.309	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	45.537	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp phường	2.749	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.021	
+	Quỹ tiền thưởng	290	
+	Kinh phí hoạt động	437	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho phường)	11.023	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	5.934	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	309	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	36	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, DDHT cho người khuyết tật theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	8	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	20	
+	Chi phí khen thưởng sự nghiệp giáo dục	615	
+	Kinh phí tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi; Bồi dưỡng chính trị hè, chuyên đề; các hoạt động sự nghiệp giáo dục	140	
+	Kinh phí sự nghiệp giáo dục khác, bao gồm: Dự kiến quỹ lương tăng thêm và lương biên chế chưa tuyển, các nhiệm vụ chi khác phát sinh	3.092	
+	Kinh phí khu di tích lịch sử (Nhà lao Pleiku, định mức theo nghị quyết 05/NQ của HĐND tỉnh Gia Lai cũ)	100	
+	-Kinh phí duy trì, chăm sóc cây xanh, thảm cỏ, hoa và quét rác tại Nhà lao Pleiku; Đèn tường niệm Hội Phú, Khu di tích lịch sử- văn hóa Biển Hồ; Chi cắt dọn, chăm sóc cây xanh; trang trí các tiểu cảnh phục vụ tại DTTC Biển Hồ	86	
+	- Kinh phí theo định mức con người được UBND thành phố phê duyệt theo vị trí việc làm (Trung tâm phát triển cụm công nghiệp Diên Phú)	682	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 65.690 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG AN PHÚ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	33.632	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.756	
-	Thuế giá trị gia tăng	3.685	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	66	
-	Thuế tài nguyên	5	
2	Lệ phí trước bạ	2.341	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	293	
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.092	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	16.800	
7	Phí và lệ phí	231	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	231	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	54	
10	Thu khác và phạt các loại	65	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách phường hưởng	65	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (1)	90.104	
1	Chi đầu tư phát triển	12.096	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	12.096	
2	Chi thường xuyên (2)	70.876	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 41.677 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	36.150	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 35.929 triệu đồng
3	Dự phòng chi	897	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	6.235	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 4.869 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	287	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	287	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.948	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	5.948	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	4.416	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
+	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	1.079	
+	Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội (kinh phí thực hiện Nghị định 81/NĐ-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: 447 trđ; kinh phí chính sách đối với học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013: 6 trđ)	453	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	71.343	
1	Bổ sung cân đối	23.431	
2	Bổ sung mục tiêu	6.235	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	41.677	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	32.761	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.274	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp	1.704	
+	Quỹ tiền thưởng	230	
+	Kinh phí hoạt động	340	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	6.642	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	3.296	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	178	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	18	
+	Kinh phí thực hiện Nghị định 81/NĐ-CP về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	202	
+	Kinh phí khen thưởng sự nghiệp giáo dục	392	
+	Kinh phí tổ chức các kỳ thi học sinh giỏi; bồi dưỡng chính trị hè, chuyên đề; các hoạt động sự nghiệp giáo dục	128	
+	Dự kiến quỹ lương tăng thêm và lương biên chế chưa tuyển, các nhiệm vụ chi khác phát sinh của sự nghiệp giáo dục	2.428	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách phường từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 46.546 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ BIỂN HỒ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	33.141	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.937	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.891	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	3	
-	Thuế tài nguyên	43	
2	Lệ phí trước bạ	1.994	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	155	
4	Thuế thu nhập cá nhân	7.958	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	20.600	
7	Phí và lệ phí	213	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài	99	
-	Phí, lệ phí còn lại	114	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	28	
10	Thu khác và phạt các loại	257	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	257	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	92.776	
1	Chi đầu tư phát triển	14.880	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	14.880	
2	Chi thường xuyên (2)	73.795	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 38.212 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	32.166	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 31.869 triệu đồng
3	Dự phòng chi	951	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.149	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	2.984	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	2.775	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	209	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	165	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	65	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	65	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	100	
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng	100	

III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	69.308
1	Bổ sung cân đối	27.947
2	Bổ sung mục tiêu	3.149
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	38.212
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	31.869
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.264
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	5.079
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.955
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	123

Ghi chú:

(1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 38.212 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ GÀO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	12.257	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	314	
-	Thuế giá trị gia tăng	286	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	28	
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	1.167	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	77	
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.771	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	5.800	
7	Phí và lệ phí	44	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài	3	
-	Phí, lệ phí còn lại	41	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	12	
10	Thu khác và phạt các loại	73	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	73	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	46.957	
1	Chi đầu tư phát triển	4.736	
	Bao gồm:		
-	Nguồn vốn XDCB tập trung	560	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	4.176	
2	Chi thường xuyên (2)	41.382	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 15.681 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.463	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 12.277 triệu đồng
3	Dự phòng chi	618	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	222	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	212	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	212	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	10	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	10	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	37.884	
1	Bổ sung cân đối	21.982	
2	Bổ sung mục tiêu	222	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	15.681	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	12.277	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.087	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	2.317	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>1.987</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>330</i>	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 15.681 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

PHƯỜNG AN KHÊ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	22.486	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	9.658	
-	Thuế giá trị gia tăng	9.258	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	400	
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	933	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	655	
4	Thuế thu nhập cá nhân	9.943	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	616	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	616	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	231	
10	Thu khác và phạt các loại	450	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	450	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (1)	110.190	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hương		
2	Chi thường xuyên (2)	108.879	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về phường (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 68.084 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	45.948	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về phường (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45.766 triệu đồng
3	Dự phòng chi	814	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	497	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	334	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	309	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	25	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	163	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	91	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	91	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	72	
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng	72	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	104.441	
1	Bổ sung cân đối	35.860	
2	Bổ sung mục tiêu	497	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	68.084	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	45.766	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về phường	3.933	
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao chuyển về phường quản lý	4.302	
-	Ban quản lý Dịch vụ chuyển về phường quản lý	5.015	
-	Trung tâm Chính trị chuyển về phường quản lý	699	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho phường)	8.368	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	7.315	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	308	
+	Kinh phí chi trả chế độ chính sách đối với công chức nghỉ theo chế độ Nghị định 178/NĐ-CP (ông Vũ Nguyễn Hoàng)	746	
+			

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp phường hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách phường từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 68.084 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
PHƯỜNG AN BÌNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG	17.718	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	8.387	
-	Thuế giá trị gia tăng	7.977	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	240	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên	170	
2	Lệ phí trước bạ	2.850	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	156	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.709	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	40	
6	Tiền sử dụng đất	1.780	
7	Phí và lệ phí	544	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	544	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	62	
10	Thu khác và phạt các loại	190	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	190	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG (1)	59.727	
1	Chi đầu tư phát triển	1.282	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường hưởng	1.282	
2	Chi thường xuyên (2)	56.377	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về phường (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.398 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.374	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về phường (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 25.256 triệu đồng
3	Dự phòng chi	412	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.656	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	1.576	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.479	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	97	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	80	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	20	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	20	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	60	
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng	60	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG (3)	54.583	
1	Bổ sung cân đối	18.530	
2	Bổ sung mục tiêu	1.656	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	34.398	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về phường		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc phường quản lý	25.256	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về phường	4.478	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho phường)	4.664	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.593	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	71	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp phường hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách phường từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.398 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ CỬU AN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	2.106	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	712	
-	Thuế giá trị gia tăng	712	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	157	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	15	
4	Thuế thu nhập cá nhân	827	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	100	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	100	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	25	
10	Thu khác và phạt các loại	270	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	270	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	57.368	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương		
2	Chi thường xuyên (2)	55.399	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 30.068 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.346	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 24.272 triệu đồng
3	Dự phòng chi	501	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.468	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	825	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	788	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	37	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	643	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	547	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	23	
+	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	524	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	96	
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng	96	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	56.376	
1	Bổ sung cân đối	24.840	
2	Bổ sung mục tiêu	1.468	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	30.068	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	24.272	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.371	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	3.425	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	3.089	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	336	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 30.068 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
 XÃ KBANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	34.296	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	15.604	
-	Thuế giá trị gia tăng	12.608	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	716	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	100	
-	Thuế tài nguyên	2.180	
2	Lệ phí trước bạ	4.814	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	100	
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.532	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	300	
6	Tiền sử dụng đất	6.400	
7	Phí và lệ phí	1.059	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	15	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	472	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	472	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	85.929	
1	Chi đầu tư phát triển	144	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	144	
2	Chi thường xuyên (1)	85.197	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 58.736 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	48.774	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 48.530 triệu đồng
3	Dự phòng chi	282	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	305	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	260	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	260	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	45	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	45	
+	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	45	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ (3)		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	81.125	
1	Bổ sung cân đối	22.084	
2	Bổ sung mục tiêu	305	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	58.736	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	47.411	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.595	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>3.804</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>374</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>417</i>	
-	<i>Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ</i>	<i>6.730</i>	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>5.398</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>1.119</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>212</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 58.781 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ KÔNG BƠ LA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	3.237	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.235	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.171	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	44	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên	20	
2	Lệ phí trước bạ	480	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	731	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	510	
7	Phí và lệ phí	185	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	96	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	96	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	58.416	
1	Chi đầu tư phát triển	367	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	367	
2	Chi thường xuyên (1)	57.438	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.192 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.144	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 25.926 triệu đồng
3	Dự phòng chi	246	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	365	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	320	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	320	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	45	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	45	
+	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	<i>45</i>	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ (3)		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	56.201	
1	Bổ sung cân đối	21.644	
2	Bổ sung mục tiêu	365	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	34.192	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	25.387	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.156	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>2.600</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>253</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>303</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	5.649	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>4.912</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>539</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>198</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.237 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ TƠ TUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	1.397	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	416	
-	Thuế giá trị gia tăng	411	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	270	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	300	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	250	
7	Phí và lệ phí	97	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	64	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	64	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	43.319	
1	Chi đầu tư phát triển	180	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	180	
2	Chi thường xuyên (1)	42.576	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 25.309 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.904	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 19.740 triệu đồng
3	Dự phòng chi	188	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	375	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	330	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	330	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	45	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	45	
+	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	<i>45</i>	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ (3)		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	42.247	
1	Bổ sung cân đối	16.563	
2	Bổ sung mục tiêu	375	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	25.309	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	18.942	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.425	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.895</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>220</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>310</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	3.942	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>2.958</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>798</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>186</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 25.354 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ KRONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	582	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	405	
-	Thuế giá trị gia tăng	405	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	30	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	80	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	20	
7	Phí và lệ phí	20	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	27	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	27	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	29.854	
1	Chi đầu tư phát triển	14	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	14	
2	Chi thường xuyên (1)	29.502	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 20.361 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.581	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 16.491 triệu đồng
3	Dự phòng chi	103	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	235	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	190	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	190	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	45	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	45	
+	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	<i>45</i>	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ (3)		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	29.608	
1	Bổ sung cân đối	9.012	
2	Bổ sung mục tiêu	235	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	20.361	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	15.531	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.087	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>817</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>124</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>146</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	3.743	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>2.584</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>961</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>199</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 20.406 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ SON LANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	2.342	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	595	
-	Thuế giá trị gia tăng	560	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	35	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	175	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	572	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	800	
7	Phí và lệ phí	126	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	74	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	74	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	34.938	
1	Chi đầu tư phát triển	576	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	576	
2	Chi thường xuyên (1)	33.893	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 18.181 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	14.587	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 14.432 triệu đồng
3	Dự phòng chi	174	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	295	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	250	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	250	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	45	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	45	

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	45	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ (3)		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	33.095	
1	Bổ sung cân đối	14.618	
2	Bổ sung mục tiêu	295	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	18.181	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	13.924	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.444	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.102	
+	Quỹ tiền thưởng	131	
+	Kinh phí hoạt động	211	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	2.813	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.206	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	508	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	99	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 18.227 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ ĐAK RONG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	12.281	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	11.945	
-	Thuế giá trị gia tăng	6.245	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên	4.700	
2	Lệ phí trước bạ	31	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	185	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	20	
7	Phí và lệ phí	53	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	47	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	47	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	34.120	
1	Chi đầu tư phát triển	14	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	14	
2	Chi thường xuyên (1)	33.737	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 18.312 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.820	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 12.679 triệu đồng
3	Dự phòng chi	174	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	196	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 46 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	150	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	150	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	46	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	46	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ (3)		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	33.566	
1	Bổ sung cân đối	15.058	
2	Bổ sung mục tiêu	196	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	18.312	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	11.666	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.841	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.437</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>164</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>240</i>	
-	<i>Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ</i>	<i>4.805</i>	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>3.566</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>1.013</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>226</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 18.358 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ ĐAK ĐOÀ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	19.541	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.332	
-	Thuế giá trị gia tăng	3.272	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	60	
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	1.902	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	215	
4	Thuế thu nhập cá nhân	7.615	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	6.000	
7	Phí và lệ phí	368	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	368	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	109	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	109	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	89.888	
1	Chi đầu tư phát triển	1.680	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	1.680	
2	Chi thường xuyên (2)	83.923	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 62.388 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	42.058	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 41.866 triệu đồng
3	Dự phòng chi	476	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.809	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 3.809 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.809	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	3.809	
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	<i>3.809</i>	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	78.664	
1	Bổ sung cân đối	12.467	
2	Bổ sung mục tiêu	3.809	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	62.388	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường, trung tâm bồi dưỡng chính trị thuộc xã quản lý	41.866	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	8.450	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>3.994</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>365</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>4.091</i>	
-	Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin, TDTT, PTTH chuyển về cấp xã quản lý	3.260	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	8.812	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>4.411</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>83</i>	
+	<i>Kinh phí tăng thêm do tăng lương cơ sở và kinh phí (70% ngân sách huyện trước sắp xếp đảm bảo) để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn</i>	<i>2.399</i>	
+	<i>Kinh phí xử lý rác thải; chăm sóc hoa viên, cây xanh, vệ sinh công cộng, quản trang và các hạng mục khác</i>	<i>896</i>	
+	<i>Kinh phí chi trả tiền điện chiếu sáng</i>	<i>1.023</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 66.197 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ KON GANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	7.756	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	612	
-	Thuế giá trị gia tăng	612	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	1.072	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	20	
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.286	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	550	
7	Phí và lệ phí	133	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	133	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	83	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	83	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	55.360	
1	Chi đầu tư phát triển	440	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	440	
2	Chi thường xuyên (2)	51.905	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 29.026 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.013	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 19.898 triệu đồng
3	Dự phòng chi	478	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	2.537	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 2.537 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.537	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	2.537	
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	2.537	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYÊN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	49.728	
1	Bổ sung cân đối	18.165	
2	Bổ sung mục tiêu	2.537	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	29.026	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	19.898	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.965	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp</i>	1.827	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	247	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	1.891	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	5.163	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	2.936	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	115	
+	<i>Kinh phí tăng thêm do tăng lương cơ sở và kinh phí (70% ngân sách huyện trước sắp xếp đảm bảo) để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn</i>	2.102	
+	<i>Kinh phí chi trả tiền điện chiếu sáng</i>	10	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 31.563 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA BẮNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	6.938	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	700	
-	Thuế giá trị gia tăng	700	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	646	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	100	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.521	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.800	
7	Phí và lệ phí	97	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	97	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	74	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	74	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	74.862	
1	Chi đầu tư phát triển	1.440	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	1.440	
2	Chi thường xuyên (2)	66.380	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 44.071 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	35.906	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 35.731 triệu đồng
3	Dự phòng chi	486	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	6.556	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 6.556 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.556	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	6.556	
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	6.556	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	69.830	
1	Bổ sung cân đối	19.203	
2	Bổ sung mục tiêu	6.556	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	44.071	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	35.731	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.116	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.616</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>221</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>1.279</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	5.224	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>3.589</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>180</i>	
+	<i>Kinh phí tăng thêm do tăng lương cơ sở và kinh phí (70% ngân sách huyện trước sắp xếp đảm bảo) để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn</i>	<i>1.455</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 50.627 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ K'DANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	6.482	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	795	
-	Thuế giá trị gia tăng	795	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	668	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	5	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.966	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	900	
7	Phí và lệ phí	81	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	81	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	67	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	67	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	58.129	
1	Chi đầu tư phát triển	720	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	720	
2	Chi thường xuyên (2)	53.426	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 33.309 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.391	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 25.263 triệu đồng
3	Dự phòng chi	427	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.556	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 3.556 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.556	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	3.556	
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	3.556	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	53.573	
1	Bổ sung cân đối	16.708	
2	Bổ sung mục tiêu	3.556	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	33.309	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	25.263	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.241	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.632</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>227</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>1.382</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	4.805	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>3.045</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>120</i>	
+	<i>Kinh phí tăng thêm do tăng lương cơ sở và kinh phí (70% ngân sách huyện trước sắp xếp đảm bảo) để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn</i>	<i>1.530</i>	
+	<i>Kinh phí chi trả tiền điện chiếu sáng</i>	<i>110</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 36.865 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ ĐAK SOMEI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.754	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	201	
-	Thuế giá trị gia tăng	201	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	219	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.155	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	100	
7	Phí và lệ phí	30	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	30	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	49	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	49	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	49.350	
1	Chi đầu tư phát triển	80	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	80	
2	Chi thường xuyên (2)	43.860	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 31.100 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.210	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 24.124 triệu đồng
3	Dự phòng chi	264	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	5.146	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 5.146 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.146	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	5.146	
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	<i>5.146</i>	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYÊN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	48.103	
1	Bổ sung cân đối	11.857	
2	Bổ sung mục tiêu	5.146	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	31.100	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	24.124	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.466	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>2.633</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>325</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>1.508</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	2.510	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>1.847</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>220</i>	
+	<i>Kinh phí tăng thêm do tăng lương cơ sở và kinh phí (70% ngân sách huyện trước sắp xếp đảm bảo) để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn</i>	<i>443</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 36.246 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ MANG YANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	8.143	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.068	
-	Thuế giá trị gia tăng	979	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	73	
-	Thuế tài nguyên	16	
2	Lệ phí trước bạ	834	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	75	
4	Thuế thu nhập cá nhân	4.351	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.407	
7	Phí và lệ phí	320	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	320	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	88	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	88	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	88.612	
1	Chi đầu tư phát triển	1.397	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	1.397	
2	Chi thường xuyên (2)	85.278	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 55.069 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	45.758	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45.676 triệu đồng
3	Dự phòng chi	608	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.329	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện (huyện Đak Đoa phân bổ cho xã Hải Yang trước sắp xếp) chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 869 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	460	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	460	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	869	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	869	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	869	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	82.238	
1	Bổ sung cân đối	25.840	
2	Bổ sung mục tiêu	1.329	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	55.069	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	36.914	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.318	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp	2.789	
+	Kinh phí hoạt động	529	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	14.837	
+	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	3.543	
	Trong đó: sự nghiệp giáo dục	3.175	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	3.736	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	360	
+	Chi sự nghiệp đào tạo	308	
+	Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải	525	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	70	
+	Kinh phí chi trả chế độ chính sách đối với công chức nghỉ Phan Văn Cường chế độ Nghị định 178/NĐ-CP	1.275	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	105	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	264	
+	Kinh phí chi trả trợ cấp lần đầu, chuyển vùng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019	75	
+	Chi học bổng cho học sinh dân tộc nội trú	3.997	
+	Chi chế độ chi hoạt động cho học sinh theo thông tư 109/2009/TTLT/BTC- BGĐT	394	
+	Hợp đồng nhân viên cấp dưỡng phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú	159	
+	Kinh phí hoạt động của chi bộ và phụ cấp cấp ủy viên	26	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 55.938 triệu đồng.

PHỤ LỤC SỐ 01
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ LỖ PANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	2.806	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	563	
-	Thuế giá trị gia tăng	552	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	7	
-	Thuế tài nguyên	4	
2	Lệ phí trước bạ	153	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	3	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.028	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	982	
7	Phí và lệ phí	53	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	53	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	24	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	24	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	64.663	
1	Chi đầu tư phát triển	982	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	982	
2	Chi thường xuyên (2)	63.014	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 37.830 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.454	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 32.873 triệu đồng
3	Dự phòng chi	504	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	163	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	163	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	163	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	62.840	
1	Bổ sung cân đối	24.847	
2	Bổ sung mục tiêu	163	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	37.830	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	25.379	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.957	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp	1.699	
+	Kinh phí hoạt động	258	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	10.494	
+	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.869	
	<i>Trong đó: sự nghiệp giáo dục</i>	1.671	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.361	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.214	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	220	
+	Kinh phí Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách	654	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	304	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	837	
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKk theo NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016	1.814	
+	Kinh phí chi trả trợ cấp lần đầu, chuyển vùng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019	221	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 37.830 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ KONG CHIÊNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	615	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	208	
-	Thuế giá trị gia tăng	208	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	27	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	2	
4	Thuế thu nhập cá nhân	279	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	69	
7	Phí và lệ phí	16	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	16	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	14	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	14	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	43.742	
1	Chi đầu tư phát triển	69	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	69	
2	Chi thường xuyên (2)	43.183	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 26.792 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.077	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 23.027 triệu đồng
3	Dự phòng chi	330	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	160	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	60	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	60	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	100	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	100	
+	Hỗ trợ kinh phí duy tu, sửa chữa di tích văn hóa, lịch sử được xếp hạng	100	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	43.194	
1	Bổ sung cân đối	16.242	
2	Bổ sung mục tiêu	160	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	26.792	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	18.261	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.512	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp	2.148	
+	Kinh phí hoạt động	364	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	6.019	
+	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.187	
	<i>Trong đó: sự nghiệp giáo dục</i>	938	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	847	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.580	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	157	
+	Kinh phí Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách	1.589	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	475	
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKk theo ND 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016	184	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 26.792 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ H'RA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.527	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	350	
-	Thuế giá trị gia tăng	350	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	83	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	5	
4	Thuế thu nhập cá nhân	522	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	503	
7	Phí và lệ phí	41	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	41	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	23	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	23	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	44.769	
1	Chi đầu tư phát triển	503	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	503	
2	Chi thường xuyên (2)	43.639	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 27.680 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.007	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 22.962 triệu đồng
3	Dự phòng chi	319	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	308	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	308	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	308	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	43.746	
1	Bổ sung cân đối	15.758	
2	Bổ sung mục tiêu	308	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	27.680	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	19.200	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.623	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>2.223</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>400</i>	
-	<i>Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ</i>	<i>5.857</i>	
+	<i>Quyỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP</i>	<i>1.754</i>	
	<i>Trong đó: sự nghiệp giáo dục</i>	<i>1.489</i>	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>1.660</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>1.244</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>83</i>	
+	<i>Kinh phí Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách</i>	<i>237</i>	
+	<i>Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213</i>	<i>254</i>	
+	<i>Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020</i>	<i>474</i>	
+	<i>Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKk theo NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016</i>	<i>64</i>	
+	<i>Kinh phí chi trả trợ cấp lần đầu, chuyển vùng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019</i>	<i>87</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 27.680 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ AYUN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	620	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	142	
-	Thuế giá trị gia tăng	142	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	77	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	2	
4	Thuế thu nhập cá nhân	233	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	114	
7	Phí và lệ phí	34	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	34	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	18	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	18	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	41.562	
1	Chi đầu tư phát triển	114	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	114	
2	Chi thường xuyên (2)	40.940	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 24.423 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.054	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 19.009 triệu đồng
3	Dự phòng chi	330	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	178	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	178	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	178	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	41.055	
1	Bổ sung cân đối	16.454	
2	Bổ sung mục tiêu	178	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	24.423	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	16.016	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.913	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, đóng góp	2.507	
+	Kinh phí hoạt động	406	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	5.494	
+	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	1.637	
	<i>Trong đó: sự nghiệp giáo dục</i>	1.347	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.064	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	820	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	124	
+	Kinh phí Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách	137	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	153	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	381	
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKK theo NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016	155	
+	Kinh phí chi trả trợ cấp lần đầu, chuyển vùng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019	23	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 24.423 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ IA LY**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	1.513	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	230	
-	Thuế giá trị gia tăng	230	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	160	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	140	
4	Thuế thu nhập cá nhân	865	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	55	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	63	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	63	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	45.458	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	44.887	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 23.350 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.053	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 19.781 triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
3	Dự phòng chi	316	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	255	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	190	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	180	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	10	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	65	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	65	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	65	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	44.452	
1	Bổ sung cân đối	20.847	
2	Bổ sung mục tiêu	255	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	23.350	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	18.090	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.302	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	3.958	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.146	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	975	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	121	
+	Kinh phí Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách	377	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	143	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	196	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 23.350 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ CHƯ PẢH**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	4.542	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	795	
-	Thuế giá trị gia tăng	795	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	580	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	200	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.740	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	108	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	119	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	119	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	59.211	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tính bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương		
2	Chi thường xuyên (2)	58.392	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 37.204 triệu đồng
	Trong đó:		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.657	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 28.390 triệu đồng
3	Dự phòng chi	309	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	510	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	380	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	360	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	20	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	130	
-	<i>Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung</i>	<i>130</i>	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	130	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	56.321	
1	Bổ sung cân đối	18.607	
2	Bổ sung mục tiêu	510	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	37.204	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	27.792	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.949	
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao chuyển về xã quản lý	2.609	
-	Trung tâm Chính trị chuyển về xã quản lý	811	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	3.042	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.430	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	367	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	14	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	190	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	40	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 37.204 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA KHU'OL
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	1.357	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	150	
-	Thuế giá trị gia tăng	150	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	205	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	20	
4	Thuế thu nhập cá nhân	890	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	32	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	60	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	60	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	57.634	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	56.600	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 31.043 triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.922	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 26.645 triệu đồng
3	Dự phòng chi	373	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	661	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	661	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	625	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	36	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	
-	<i>Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung</i>		
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	56.728	
1	Bổ sung cân đối	25.024	
2	Bổ sung mục tiêu	661	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	31.043	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	23.782	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.616	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	5.645	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.625	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.233	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	157	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	200	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	430	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 31.043 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA PHÍ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	2.274	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	170	
-	Thuế giá trị gia tăng	170	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	325	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	0	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.625	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	71	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	83	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	83	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	62.219	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tính bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	61.408	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 35.701 triệu đồng
	Trong đó:		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31.993	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 31.726 triệu đồng
3	Dự phòng chi	381	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	430	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	365	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	355	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	10	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	65	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	65	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	65	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYÊN NGUYÊN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	60.726	
1	Bổ sung cân đối	24.595	
2	Bổ sung mục tiêu	430	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	35.701	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	29.870	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.290	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	4.541	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.589	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	960	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	95	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	666	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	230	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 35.701 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA GRAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	8.295	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.622	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.610	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	12	
2	Lệ phí trước bạ	1.190	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	150	
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.020	
7	Phí và lệ phí	126	
-	Phí, lệ phí còn lại	126	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	80	
10	Thu khác và phạt các loại	107	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	107	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	73.163	
1	Chi đầu tư phát triển	1.026	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	1.026	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	71.459	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 44.642 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	35.026	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.902 triệu đồng
3	Dự phòng chi	534	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	144	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 0
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	114	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	114	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	30	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	30	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	67.857	
1	Bổ sung cân đối	23.071	
2	Bổ sung mục tiêu	144	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	44.642	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	32.491	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.625	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.711	
+	Quỹ tiền thưởng	375	
+	Kinh phí hoạt động	540	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	8.525	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.173	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	470	
+	Chi sự nghiệp đào tạo	288	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	661	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	306	
+	Chi học bổng cho học sinh nội trú	1.347	
+	Kinh phí đảm bảo xã hội (công tác nghĩa trang, 27/7...)	140	
+	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	48	
+	Kinh phí hỗ trợ sản xuất trồng lúa	280	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặt hàng ban dịch vụ công ích	1.294	
+	Bổ sung kinh phí Trung tâm Văn hoá TTTT thuộc xã quản lý	1.350	
+	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá đất bồi thường, đất quy hoạch bán đấu giá (đã thực hiện)	169	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 44.642 triệu đồng

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA KRÁI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.712	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	783	
-	Thuế giá trị gia tăng	770	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	13	
2	Lệ phí trước bạ	350	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	70	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.250	
7	Phí và lệ phí	125	
-	Phí, lệ phí còn lại	126	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	10	
10	Thu khác và phạt các loại	124	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	124	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (I)	72.285	
1	Chi đầu tư phát triển	1.724	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	1.724	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	69.837	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 40.363 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	33.870	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 33.742 triệu đồng
3	Dự phòng chi	574	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	150	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 0
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	120	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	75	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	45	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	30	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	30	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYÊN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	69.818	
1	Bổ sung cân đối	29.305	
2	Bổ sung mục tiêu	150	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	40.363	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	33.139	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.965	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.500</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>195</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>270</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	5.260	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>3.134</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>384</i>	
+	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	<i>298</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>575</i>	
+	<i>Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020</i>	<i>306</i>	
+	<i>Kinh phí đảm bảo xã hội (công tác nghĩa trang, 27/7...)</i>	<i>52</i>	
+	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	<i>48</i>	
+	<i>Kinh phí hỗ trợ sản xuất trồng lúa</i>	<i>463</i>	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 40.363 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA HRUNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	12.862	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.542	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.500	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	42	
2	Lệ phí trước bạ	2.120	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	270	
4	Thuế thu nhập cá nhân	8.400	
7	Phí và lệ phí	168	
-	Phí, lệ phí còn lại	168	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	185	
10	Thu khác và phạt các loại	177	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	177	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	95.862	
1	Chi đầu tư phát triển	409	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	409	
2	Chi thường xuyên (2)	93.798	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 56.011 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	47.157	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 46.985 triệu đồng
3	Dự phòng chi	832	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	823	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 600 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	183	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	183	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	640	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	640	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	40	
+	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	600	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	86.836	
1	Bổ sung cân đối	30.002	
2	Bổ sung mục tiêu	823	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	56.011	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	45.783	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.843	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.388</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>185</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>270</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	8.385	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>5.874</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>400</i>	
+	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	<i>395</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>742</i>	
+	<i>Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020</i>	<i>408</i>	
+	<i>Kinh phí đảm bảo xã hội (công tác nghĩa trang, 27/7...)</i>	<i>80</i>	
+	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	<i>160</i>	
+	<i>Kinh phí hỗ trợ sản xuất trồng lúa</i>	<i>327</i>	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 56.611 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA CHÍA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	713	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	128	
-	Thuế giá trị gia tăng	120	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	8	
2	Lệ phí trước bạ	70	
4	Thuế thu nhập cá nhân	460	
7	Phí và lệ phí	25	
-	Phí, lệ phí còn lại	25	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	5	
10	Thu khác và phạt các loại	25	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	25	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	27.111	
1	Chi đầu tư phát triển	200	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	200	
2	Chi thường xuyên (2)	26.616	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 15.981 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.015	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 12.972 triệu đồng
3	Dự phòng chi	196	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	99	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 0
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	89	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	44	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	45	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	10	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	10	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	26.625	
1	Bổ sung cân đối	10.545	
2	Bổ sung mục tiêu	99	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	15.981	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	12.792	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.756	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.320	
+	Quỹ tiền thưởng	181	
+	Kinh phí hoạt động	255	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	1.432	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	737	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	89	
+	Chi sự nghiệp đào tạo	90	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	313	
+	Kinh phí đảm bảo xã hội (công tác nghĩa trang, 27/7...)	18	
+	Kinh phí hỗ trợ sản xuất trồng lúa	185	

Ghi chú:**(1)** Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.**(2)** Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000**(3)** Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 15.981 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA O

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	997	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	205	
-	Thuế giá trị gia tăng	180	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	25	
2	Lệ phí trước bạ	120	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	10	
4	Thuế thu nhập cá nhân	550	
7	Phí và lệ phí	35	
-	Phí, lệ phí còn lại	35	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	25	
10	Thu khác và phạt các loại	52	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	52	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	31.144	
1	Chi đầu tư phát triển	186	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	186	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng		
2	Chi thường xuyên (2)	30.731	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 20.675 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.292	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 16.246 triệu đồng
3	Dự phòng chi	192	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	35	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 0
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	25	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	25	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	10	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	10	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	10	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	30.466	
1	Bổ sung cân đối	9.756	
2	Bổ sung mục tiêu	35	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	20.675	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	15.891	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.971	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.490	
+	Quỹ tiền thưởng	196	
+	Kinh phí hoạt động	285	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	2.813	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	1.830	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	134	
+	Chi sự nghiệp đào tạo	120	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	382	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	102	
+	Kinh phí đảm bảo xã hội (công tác nghĩa trang, 27/7...)	19	
+	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	10	
+	Kinh phí hỗ trợ sản xuất trồng lúa	217	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 20.675 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ ĐAK PƠ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	8.664	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.315	
-	Thuế giá trị gia tăng	2.995	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	160	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	40	
-	Thuế tài nguyên	120	
2	Lệ phí trước bạ	2.336	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	40	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.637	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	32	
6	Tiền sử dụng đất	390	
7	Phí và lệ phí	649	
-	Phí, lệ phí còn lại	649	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
10	Thu khác và phạt các loại	265	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	265	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	70.237	
1	Chi đầu tư phát triển	270	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	270	
2	Chi thường xuyên (2)	68.890	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 43.626 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.971	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 28.878 triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
3	Dự phòng chi	439	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	637	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 374 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	263	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	263	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	374	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	374	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	374	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	67.346	
1	Bổ sung cân đối	23.083	
2	Bổ sung mục tiêu	637	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	43.626	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	28.878	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.892	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.615	
+	Quỹ tiền thưởng	457	
+	Kinh phí hoạt động	820	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	10.856	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	KP chi cho con người Phòng Nội vụ - sự nghiệp lưu trữ chuyển về các trường	198,14	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội, mai táng phí	4.089	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	160	
+	Trung tâm văn hóa, thông tin, thể thao (đơn vị ở xã trung tâm)	2.223	
+	Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, tiền điện chiếu sáng, kinh tế khác từ cấp huyện về xã	2.496	
+	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	28	
+	Thu gom, vận chuyển xử lý rác thải, vệ sinh công cộng (xã trung tâm)	561	
+	Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	24	
+	KP chăm sóc sức khỏe cán bộ, báo cáo viên, cấp ủy, hoạt động hội đồng nhân dân, QĐ 856	1.077	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 44.000 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ YA HỘI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	2.381	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	328	
-	Thuế giá trị gia tăng	308	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	10	
-	Thuế tài nguyên	10	
2	Lệ phí trước bạ	314	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	4	
4	Thuế thu nhập cá nhân	584	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	8	
6	Tiền sử dụng đất	970	
7	Phí và lệ phí	123	
-	Phí, lệ phí còn lại	123	
10	Thu khác và phạt các loại	50	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	50	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	34.495	
1	Chi đầu tư phát triển	698	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	698	
2	Chi thường xuyên (2)	33.208	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 21.462 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.397	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 12.165 triệu đồng
3	Dự phòng chi	224	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	365	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 187 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	178	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	153	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	25	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	187	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	187	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	187	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOAN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	33.030	
1	Bổ sung cân đối	11.203	
2	Bổ sung mục tiêu	365	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	21.462	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	12.352	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.303	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.982	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	490	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	831	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	3.807	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội, mai táng phí</i>	2.136	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	60	
+	<i>Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ kiến thiết thị chính, tiền điện chiếu sáng, kinh tế khác từ cấp huyện về xã</i>	394	
+	<i>Kinh phí cấp bù thủy lợi phí</i>	159	
+	<i>Chi cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số</i>	13,17	
+	<i>KP chăm sóc sức khỏe cán bộ, báo cáo viên, cấp ủy, hoạt động hội đồng nhân dân</i>	1.045	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
 (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng
 (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 21.649 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ KÔNG CHRO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	4.659	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.675	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.575	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	100	
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	325	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	10	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.010	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	210	
7	Phí và lệ phí	249	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	249	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	180	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	180	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	78.937	
1	Chi đầu tư phát triển	151	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	151	
2	Chi thường xuyên (2)	78.348	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 57.678 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	45.728	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45.652 triệu đồng
3	Dự phòng chi	407	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	30	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	30	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	0	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	0	
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	76.264	
1	Bổ sung cân đối	18.555	
2	Bổ sung mục tiêu	30	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	57.678	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	43.107	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.024	
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao chuyển về xã quản lý	265	
-	Trung tâm Chính trị chuyển về xã quản lý	715	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	10.568	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.934	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	441	
+	Kinh phí thực hiện, chính sách đối với người có uy tín	4	
+	Kinh phí thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết	35	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặt hàng và cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải năm 2025	277	
+	Kinh phí điện chiếu sáng công cộng đô thị	1.472	
+	Kinh phí dịch vụ cây xanh đô thị	860	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.502	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	43	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 57.678 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ YA MA
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.371	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	510	
-	Thuế giá trị gia tăng	510	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	60	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	4	
4	Thuế thu nhập cá nhân	480	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	220	
7	Phí và lệ phí	42	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	42	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	55	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	55	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	46.148	
1	Chi đầu tư phát triển	158	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	158	
2	Chi thường xuyên (2)	45.597	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 28.032 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.003	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 21.927 triệu đồng
3	Dự phòng chi	348	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	45	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	45	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	45	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHÂN TRẢM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	44.838	
1	Bổ sung cân đối	16.761	
2	Bổ sung mục tiêu	45	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	28.032	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	20.718	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.569	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	5.746	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.213	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	287	
+	Kinh phí thực hiện, chính sách đối với người có uy tín	3	
+	Kinh phí thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết	33	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.209	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 28.032 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ CHƯ KREY

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.439	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	375	
-	Thuế giá trị gia tăng	375	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	82	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	3	
4	Thuế thu nhập cá nhân	505	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	400	
7	Phí và lệ phí	37	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	37	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	37	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	37	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	38.173	
1	Chi đầu tư phát triển	288	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	288	
2	Chi thường xuyên (2)	37.576	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 23.528 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	19.302	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 19.251 triệu đồng
3	Dự phòng chi	279	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	30	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	30	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	36.846	
1	Bổ sung cân đối	13.288	
2	Bổ sung mục tiêu	30	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	23.528	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	18.288	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.237	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	4.003	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.781	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	222	
+	Kinh phí thực hiện, chính sách đối với người có uy tín	4	
+	Kinh phí thực hiện để án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết	33	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	963	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 23.528 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ SRÓ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	636	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	310	
-	Thuế giá trị gia tăng	310	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	8	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	185	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	70	
7	Phí và lệ phí	23	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	23	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	40	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	40	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	39.953	
1	Chi đầu tư phát triển	50	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	50	
2	Chi thường xuyên (2)	39.603	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 26.043 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.518	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 21.467 triệu đồng
3	Dự phòng chi	269	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	30	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	30	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	39.336	
1	Bổ sung cân đối	13.263	
2	Bổ sung mục tiêu	30	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	26.043	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	20.089	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.637	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	4.317	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.662	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	241	
+	Kinh phí thực hiện, chính sách đối với người có uy tín	3	
+	Kinh phí thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết	33	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.378	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 26.043 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ ĐẮK SONG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	490	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	290	
-	Thuế giá trị gia tăng	290	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	5	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	165	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất		
7	Phí và lệ phí	7	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	7	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	23	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	23	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	27.095	
1	Chi đầu tư phát triển		
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương		
2	Chi thường xuyên (2)	26.840	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 15.460 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	11.738	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 11.687 triệu đồng
3	Dự phòng chi	225	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	30	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	30	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	26.605	
1	Bổ sung cân đối	11.115	
2	Bổ sung mục tiêu	30	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	15.460	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	10.859	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.004	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	3.597	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.541	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	192	
+	Kinh phí thực hiện, chính sách đối với người có uy tín	2	
+	Kinh phí thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết	33	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	828	

Ghi chú:

- (1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 15.460 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ CHƠ LONG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	775	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	340	
-	Thuế giá trị gia tăng	340	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	19	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	3	
4	Thuế thu nhập cá nhân	255	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	100	
7	Phí và lệ phí	23	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	23	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	35	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	35	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	35.665	
1	Chi đầu tư phát triển	72	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	72	
2	Chi thường xuyên (2)	35.311	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 22.587 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18.423	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 18.373 triệu đồng
3	Dự phòng chi	252	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	30	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	30	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	30	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	34.918	
1	Bổ sung cân đối	12.301	
2	Bổ sung mục tiêu	30	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	22.587	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	17.184	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.059	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	4.344	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.874	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	247	
+	Kinh phí thực hiện, chính sách đối với người có uy tín	2	
+	Kinh phí thực hiện để án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết	33	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.189	

Ghi chú:

(1): Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2): Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3): Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 22.587 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Xã Đức Cơ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	20.178	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.730	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.720	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	10	
-	Thuế tài nguyên	-	
2	Lệ phí trước bạ	900	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	5.300	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	12.055	
7	Phí và lệ phí	140	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	53	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	53	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	81.524	
1	Chi đầu tư phát triển	5.567	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	5.567	
2	Chi thường xuyên (2)	75.442	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 56.111 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	43.216	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 43.156 triệu đồng
3	Dự phòng chi	382	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	133	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	130	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	130	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	3	
+	Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã	3	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THUỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	70.745	
1	Bổ sung cân đối	14.501	
2	Bổ sung mục tiêu	133	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	56.111	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	42.254	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.712	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	10.144	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.018	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	154	
+	Chi dịch vụ quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị, giải phân cách vòng xoay	1.600	
+	Chi dịch vụ chiếu sáng đô thị	3.087	
+	Kinh phí hoạt động nghĩa trang	63	
+	Kinh phí hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao chuyển về xã quản lý	2.320	
+	Kinh phí hoạt động của Trung tâm Chính trị chuyển về xã quản lý	902	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 56.111 triệu đồng.đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Xã Ia Dok

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	15.478	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	320	
-	Thuế giá trị gia tăng	320	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	
-	Thuế tài nguyên	-	
2	Lệ phí trước bạ	150	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	880	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	14.037	
7	Phí và lệ phí	50	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	41	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	41	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	67.832	
1	Chi đầu tư phát triển	10.107	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tính bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	10.107	
2	Chi thường xuyên (2)	56.762	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 37.170 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31.487	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 31.247 triệu đồng
3	Dự phòng chi	603	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	360	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	360	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	360	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	-	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	56.724	
1	Bổ sung cân đối	19.194	
2	Bổ sung mục tiêu	360	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	37.170	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	31.427	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.591	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	3.152	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.885	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	267	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 37.170 triệu đồng.đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Xã Ia Krêl

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	29.538	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	665	
-	Thuế giá trị gia tăng	655	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	10	
-	Thuế tài nguyên	-	
2	Lệ phí trước bạ	410	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.250	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	26.058	
7	Phí và lệ phí	105	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	50	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	50	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	93.730	
1	Chi đầu tư phát triển	18.762	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	18.762	
2	Chi thường xuyên (2)	73.505	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 47.427 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	40.076	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 39.986 triệu đồng
3	Dự phòng chi	913	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	551	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	550	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	550	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	1	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã	1	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	72.613	
1	Bổ sung cân đối	24.636	
2	Bổ sung mục tiêu	551	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	47.427	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	39.986	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.027	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	4.414	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.015	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	399	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 47.427 triệu đồng.đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Xã Ia Pnôn

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.132	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	150	
-	Thuế giá trị gia tăng	230	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	
-	Thuế tài nguyên	-	
2	Lệ phí trước bạ	150	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	730	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	2.072	
7	Phí và lệ phí	20	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	10	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	10	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	25.144	
1	Chi đầu tư phát triển	1.492	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tinh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	1.492	
2	Chi thường xuyên (2)	23.328	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 14.038 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.174	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 10.144 triệu đồng
3	Dự phòng chi	187	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	137	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	130	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	130	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	7	
+	<i>Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã</i>	7	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	22.957	
1	Bổ sung cân đối	8.782	
2	Bổ sung mục tiêu	137	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	14.038	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	10.144	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.597	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	1.296	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>1.142</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>154</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 14.038 triệu đồng.đồng/tháng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
Xã Ia Dom

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.927	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	230	
-	Thuế giá trị gia tăng	100	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	
-	Thuế tài nguyên	-	
2	Lệ phí trước bạ	200	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	730	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	2.694	
7	Phí và lệ phí	40	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	33	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	33	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	29.211	
1	Chi đầu tư phát triển	1.940	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	1.940	
2	Chi thường xuyên (2)	26.764	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 16.624 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.462	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 13.432 triệu đồng
3	Dự phòng chi	246	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	261	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	260	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	260	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	1	
+	Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã	1	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	26.403	
1	Bổ sung cân đối	9.518	
2	Bổ sung mục tiêu	261	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	16.624	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	13.432	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.478	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	715	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	619	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	95	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 16.624 triệu đồng

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Xã Ia Nan

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	7.921	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	100	
-	Thuế giá trị gia tăng	150	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	-	
-	Thuế tài nguyên	-	
2	Lệ phí trước bạ	100	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	610	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	7.083	
7	Phí và lệ phí	10	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	18	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	18	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	33.017	
1	Chi đầu tư phát triển	5.100	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	5.100	
2	Chi thường xuyên (2)	27.267	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 16.350 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.859	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 12.829 triệu đồng
3	Dự phòng chi	322	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	328	
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	310	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	310	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	18	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	18	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã	18	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	27.384	
1	Bổ sung cân đối	10.526	
2	Bổ sung mục tiêu	328	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	16.530	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	12.829	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.978	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	724	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	643	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	80	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
 (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
 (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 16.530 triệu đồng

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ CHƯ PRÔNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	11.623
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.397
-	Thuế giá trị gia tăng	2.217
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	138
-	Thuế tài nguyên	42
2	Lệ phí trước bạ	737
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	88
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.643
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	4.252
7	Phí và lệ phí	388
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	388
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	118
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	118
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	114.931
1	Chi đầu tư phát triển	3.062
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	3.062
2	Chi thường xuyên (2)	108.959
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	51.834
3	Dự phòng chi	771
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	2.139
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
-	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.139
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	2.139
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	2.139
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	0
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	107.254
1	Bổ sung cân đối	34.287
2	Bổ sung mục tiêu	2.139
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	70.828
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	51.834
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.113
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.092
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	341
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	680
3.4	Bổ sung kinh phí Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thuộc xã quản lý	2.704
3.5	Chi bảo đảm xã hội	3.365
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	2.472
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	335
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	215
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	52
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	291
3.6	Bổ sung kinh phí đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công	1.611
3.7	Kinh phí chi trả chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy (đợt 4), (đợt 5) (theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 và Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai)	7.202

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 72.967 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ BÀU CẠN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	5.591
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	590
-	Thuế giá trị gia tăng	566
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	17
-	Thuế tài nguyên	7
2	Lệ phí trước bạ	638
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	35
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.104
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	1.919
7	Phí và lệ phí	227
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	227
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	78
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	78
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	56.949
1	Chi đầu tư phát triển	1.382
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	1.382
2	Chi thường xuyên (2)	53.948
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.949
3	Dự phòng chi	486
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.133
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.133
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.133
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.133
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	0

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	52.940
1	Bổ sung cân đối	21.197
2	Bổ sung mục tiêu	1.133
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	30.610
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	26.949
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.451
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.068</i>
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	<i>123</i>
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	<i>260</i>
3.4	Chi bảo đảm xã hội	2.210
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>1.620</i>
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>152</i>
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	<i>45</i>
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	<i>36</i>
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>357</i>

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 31.743 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ IA BỒNG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	4.217
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	493
-	Thuế giá trị gia tăng	493
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	0
-	Thuế tài nguyên	0
2	Lệ phí trước bạ	331
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.322
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	1.878
7	Phí và lệ phí	141
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	141
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	51
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	51
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	62.749
1	Chi đầu tư phát triển	1.352
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	1.352
2	Chi thường xuyên (2)	59.267
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27.874
3	Dự phòng chi	542
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.588
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.588
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.588
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.588
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	0

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	59.800
1	Bổ sung cân đối	25.006
2	Bổ sung mục tiêu	1.588
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	33.206
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	27.874
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.269
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.690</i>
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	<i>199</i>
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	<i>380</i>
3.4	Chi bảo đảm xã hội	3.063
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>2.233</i>
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>347</i>
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	<i>287</i>
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	<i>40</i>
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>156</i>

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
 (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
 (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.794 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA LÂU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	2.429
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	566
-	Thuế giá trị gia tăng	545
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	12
-	Thuế tài nguyên	9
2	Lệ phí trước bạ	209
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	995
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	431
7	Phí và lệ phí	168
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	168
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	61
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	61
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	49.084
1	Chi đầu tư phát triển	310
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	310
2	Chi thường xuyên (2)	45.209
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.891
3	Dự phòng chi	417
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.148
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.148
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	3.089
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	3.089
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	59
+	Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã	59
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	47.462
1	Bổ sung cân đối	19.988
2	Bổ sung mục tiêu	3.148
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	24.326
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	21.891
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	104
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	75
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	9
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	20
3.4	Chi bảo đảm xã hội	2.331
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	1.720
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	211
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	186
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	36
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	178

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 27.415 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ IA PIA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	3.028
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	784
-	Thuế giá trị gia tăng	780
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	0
-	Thuế tài nguyên	4
2	Lệ phí trước bạ	327
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.443
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	293
7	Phí và lệ phí	134
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	134
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	47
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	47
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	59.899
1	Chi đầu tư phát triển	211
	Bao gồm:	
-	Nguồn tính bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	211
2	Chi thường xuyên (2)	55.503
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	25.989
3	Dự phòng chi	524
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.662
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	3.662
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	3.632
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	3.632

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	29
+	<i>Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã</i>	29
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	57.934
1	Bổ sung cân đối	25.113
2	Bổ sung mục tiêu	3.662
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	29.159
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	25.989
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	944
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>678</i>
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	<i>126</i>
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	<i>140</i>
3.4	Chi bảo đảm xã hội	2.226
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>1.650</i>
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>186</i>
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	<i>177</i>
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	<i>56</i>
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>157</i>

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 32.791 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ IA TÔR**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	2.502
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	463
-	Thuế giá trị gia tăng	454
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	3
-	Thuế tài nguyên	6
2	Lệ phí trước bạ	259
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	10
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.109
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	448
7	Phí và lệ phí	167
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	167
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	46
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	46
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	57.669
1	Chi đầu tư phát triển	323
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	323
2	Chi thường xuyên (2)	54.711
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	26.124
3	Dự phòng chi	473
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	2.162
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.162
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	2.162
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	2.162

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	0
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	55.948
1	Bổ sung cân đối	22.694
2	Bổ sung mục tiêu	2.162
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	31.092
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	26.124
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	1.888
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.430</i>
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	<i>158</i>
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	<i>300</i>
3.4	Chi bảo đảm xã hội	3.080
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>2.442</i>
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>165</i>
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	<i>39</i>
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	<i>40</i>
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>393</i>

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 33.254 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ IA PÚCH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
1	2	3
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	300
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	173
-	Thuế giá trị gia tăng	170
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	0
-	Thuế tài nguyên	3
2	Lệ phí trước bạ	3
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	95
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	0
7	Phí và lệ phí	24
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	24
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	5
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	5
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	22.336
1	Chi đầu tư phát triển	0
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	0
2	Chi thường xuyên (2)	21.811
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.102
3	Dự phòng chi	178
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	347
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	347

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
1	2	3
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	346
+	<i>Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm</i>	346
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	1
+	<i>Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã</i>	1
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	22.184
1	Bổ sung cân đối	9.006
2	Bổ sung mục tiêu	347
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	12.831
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	10.102
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.179
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.639</i>
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	<i>180</i>
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	<i>360</i>
3.4	Chi bảo đảm xã hội	550
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>365</i>
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	<i>6</i>
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	<i>105</i>
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	<i>8</i>
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>67</i>

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
 (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
 (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 13.178 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA MƠ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	177
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	54
-	Thuế giá trị gia tăng	50
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	0
-	Thuế tài nguyên	4
2	Lệ phí trước bạ	15
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	0
4	Thuế thu nhập cá nhân	89
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	0
7	Phí và lệ phí	14
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	14
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	5
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	5
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	19.070
1	Chi đầu tư phát triển	0
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung theo phân cấp	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	0
2	Chi thường xuyên (2)	16.337
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.806
3	Dự phòng chi	183
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	2.551
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.551
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	825
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	825

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	1.726
+	<i>Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã</i>	1.726
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	18.956
1	Bổ sung cân đối	9.323
2	Bổ sung mục tiêu	2.551
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	7.082
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	5.806
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	984
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	740
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	84
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	160
3.5	Chi bảo đảm xã hội	292
-	<i>Chi trợ cấp hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	121
-	<i>Chi mua bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội</i>	16
-	<i>Chi trợ giúp xã hội đột xuất</i>	98
-	<i>Chi cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện chi trả trợ giúp xã hội</i>	2
-	<i>Chi hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	55

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 7.907 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ CHƯ SÊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	37.380	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	6.483	
-	Thuế giá trị gia tăng	6.275	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	198	
-	Thuế tài nguyên	10	
2	Lệ phí trước bạ	2.408	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	367	
4	Thuế thu nhập cá nhân	12.889	
6	Tiền sử dụng đất	14.186	
7	Phí và lệ phí	653	
-	Phí, lệ phí còn lại	653	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	131	
10	Thu khác và phạt các loại	263	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	263	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	148.415	
1	Chi đầu tư phát triển	2.175	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	2.175	
2	Chi thường xuyên (2)	144.052	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 99.788 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	65.406	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 65.140 triệu đồng
3	Dự phòng chi	948	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	1.240	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 49 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	1.191	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.120	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	71	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	49	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	49	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	134.097	
1	Bổ sung cân đối	33.069	
2	Bổ sung mục tiêu	1.240	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	99.788	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	65.140	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	25.660	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>6.469</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>19.191</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	8.988	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>8.880</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>108</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
 (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
 (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 99.837 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ BỜ NGOONG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	6.472	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	357	
-	Thuế giá trị gia tăng	357	
2	Lệ phí trước bạ	530	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	4	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.516	
6	Tiền sử dụng đất	1.844	
7	Phí và lệ phí	98	
-	Phí, lệ phí còn lại	98	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	12	
10	Thu khác và phạt các loại	111	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	111	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	74.060	
1	Chi đầu tư phát triển	1.328	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	1.328	
2	Chi thường xuyên (2)	71.879	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 39.659 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.293	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 28.140 triệu đồng
3	Dự phòng chi	685	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	169	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 49 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	120	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	120	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	49	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	49	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	69.581	
1	Bổ sung cân đối	29.753	
2	Bổ sung mục tiêu	169	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	39.659	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	28.140	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	6.918	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>1.362</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>5.556</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	4.601	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>4.501</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>100</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 39.708 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA KO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.310	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	419	
-	Thuế giá trị gia tăng	372	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	47	
2	Lệ phí trước bạ	343	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	5	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.049	
6	Tiền sử dụng đất	317	
7	Phí và lệ phí	135	
-	Phí, lệ phí còn lại	135	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	3	
10	Thu khác và phạt các loại	39	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	39	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	60.988	
1	Chi đầu tư phát triển	228	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	228	
2	Chi thường xuyên (2)	60.006	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.600 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	23.982	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 23.839 triệu đồng
3	Dự phòng chi	511	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	242	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 49 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	193	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	193	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	49	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	49	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	58.551	
1	Bổ sung cân đối	23.709	
2	Bổ sung mục tiêu	242	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	34.600	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	23.839	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	7.093	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.488	
+	Kinh phí hoạt động	5.605	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	3.668	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	3.605	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	63	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.649 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ AL BẮ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	2.462	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	181	
-	Thuế giá trị gia tăng	181	
2	Lệ phí trước bạ	230	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	1	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.471	
6	Tiền sử dụng đất	525	
7	Phí và lệ phí	25	
-	Phí, lệ phí còn lại	25	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	4	
10	Thu khác và phạt các loại	25	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	25	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	58.665	
1	Chi đầu tư phát triển	378	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	378	
2	Chi thường xuyên (2)	57.675	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.898 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	22.908	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 22.798 triệu đồng
3	Dự phòng chi	473	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	139	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 49 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	90	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	90	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	49	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	49	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	49	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	56.991	
1	Bổ sung cân đối	21.954	
2	Bổ sung mục tiêu	139	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	34.898	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	22.798	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	9.139	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	3.343	
+	Kinh phí hoạt động	5.796	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	2.961	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.756	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	205	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.947 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ PỜ TÓ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	2.168	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	355	
-	Thuế giá trị gia tăng	330	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	1	
-	Thuế tài nguyên	24	
2	Lệ phí trước bạ	125	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	505	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	500	
7	Phí và lệ phí	73	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	73	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	610	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	610	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	54.432	
1	Chi đầu tư phát triển	360	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	360	
2	Chi thường xuyên (2)	51.563	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.461 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.212	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 28.121 triệu đồng
3	Dự phòng chi	341	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	2.169	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 2.067 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	60	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	60	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.109	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	2.109	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	42	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	2.035	
+	Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội	32	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	52.672	
1	Bổ sung cân đối	16.043	
2	Bổ sung mục tiêu	2.169	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	34.461	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	24.699	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.613	
	Trong đó:		
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.828	
	Quỹ tiền thưởng	262	
	Kinh phí hoạt động	523	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	6.148	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.208	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.536	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	519	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	72	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	782	
+	Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên là người đồng bào dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục cao đẳng, trung cấp theo quyết định 53/2015/QĐ-TTg	21	
+	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS tại các cơ sở GD đại học theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	11	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.461 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA PA

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	4.228	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	905	
-	Thuế giá trị gia tăng	830	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	19	
-	Thuế tài nguyên	56	
2	Lệ phí trước bạ	294	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.215	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.300	
7	Phí và lệ phí	189	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	325	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	325	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	92.123	
1	Chi đầu tư phát triển	936	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	936	
2	Chi thường xuyên (2)	87.422	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 62.204 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	45.659	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 45.492 triệu đồng
3	Dự phòng chi	509	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	3.257	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 2.171 triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	936	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	889	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	47	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	2.321	
-	<i>Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung</i>	<i>2.321</i>	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	150	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	2.137	
+	Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội	34	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	88.915	
1	Bổ sung cân đối	23.455	
2	Bổ sung mục tiêu	3.257	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	62.204	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	38.681	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.760	
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>4.704</i>	
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	<i>462</i>	
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	<i>593</i>	
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao chuyển về xã quản lý	1.961	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	15.801	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.865	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.802	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	333	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	104	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	467	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Chi chế độ chi hoạt động cho học sinh theo thông tư 109/2009/TTLT/BTC- BGĐT	462	
+	Kinh phí học bổng học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGD	3.941	
+	Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên là người đồng bào dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục cao đẳng, trung cấp theo quyết định 53/2015/QĐ-TTg	21	
+	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS tại các cơ sở GD đại học theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	13	
+	Kinh phí để chi trả chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy đợt 4 và đợt 5	5.794	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 62.204 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA TUL

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	1.964	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	350	
-	Thuế giá trị gia tăng	270	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên	80	
2	Lệ phí trước bạ	101	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp		
4	Thuế thu nhập cá nhân	630	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	800	
7	Phí và lệ phí	38	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	45	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	45	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (I)	67.312	
1	Chi đầu tư phát triển	576	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	576	
2	Chi thường xuyên (2)	64.135	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 38.560 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	31.816	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 31.697 triệu đồng
3	Dự phòng chi	506	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	2.096	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 1.940 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	120	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	120	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.976	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.976	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	36	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	1.781	
+	Bổ sung kinh phí còn thiếu thực hiện các chính sách an sinh xã hội	159	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	65.858	
1	Bổ sung cân đối	25.203	
2	Bổ sung mục tiêu	2.096	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	38.560	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	28.656	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.811	
	<i>Trong đó:</i>		
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.095	
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	253	
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	463	
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao chuyển về xã quản lý		
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	6.092	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	2.348	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	2.147	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	704	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	162	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	700	
+	Kinh phí hỗ trợ học sinh, sinh viên là người đồng bào dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục cao đẳng, trung cấp theo quyết định 53/2015/QĐ-TTg	21	
+	Hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người DTTS tại các cơ sở GD đại học theo QĐ số 66/2013/QĐ-TTg	11	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 38.560 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ PHÚ THIỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	8.236	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	2.485	
-	Thuế giá trị gia tăng	2.389	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	75	
-	Thuế tài nguyên	21	
2	Lệ phí trước bạ	655	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	37	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.086	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.200	
7	Phí và lệ phí	388	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	388	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	385	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	385	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	117.181	
1	Chi đầu tư phát triển	864	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	864	
2	Chi thường xuyên (2)	115.444	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 83.642 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	60.319	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 60.026 triệu đồng
3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	88	
4	Dự phòng chi	657	
5	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	128	
5.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
-	Phân bổ ngân sách tỉnh		
5.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	128	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	128	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	51	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
+	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	77	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYÊN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	111.581	
1	Bổ sung cân đối	27.811	
2	Bổ sung mục tiêu	128	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	83.642	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	51.855	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	8.123	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	<i>5.831</i>	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>		
+	<i>Kinh phí hoạt động theo định mức</i>	<i>2.292</i>	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	23.664	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	<i>6.408</i>	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	<i>76</i>	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	<i>2.185</i>	
+	<i>Chi sự nghiệp đào tạo</i>	<i>226</i>	
+	<i>Kinh phí chi trả chế độ chính sách đối với công chức nghỉ chế độ Nghị định 178/NĐ-CP</i>	<i>4.163</i>	
+	<i>Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213</i>	<i>171</i>	
+	<i>Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020</i>	<i>693</i>	
+	<i>Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKK theo ND 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016</i>	<i>306</i>	
+	<i>Chi học bổng cho học sinh nội trú</i>	<i>4.045</i>	
+	<i>Chi chế độ chi hoạt động cho học sinh theo thông tư 109/2009/TTLT/BTC- BGĐT</i>	<i>545</i>	
+	<i>Kinh phí đặc thù của Huyện ủy + UBND huyện cũ chuyển về xã</i>	<i>139</i>	
+	<i>DV thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt</i>	<i>836</i>	
+	<i>DV quản lý, chăm sóc cây xanh đô thị</i>	<i>1.160</i>	
+	<i>Tiền điện công lộ</i>	<i>729</i>	
+	<i>KP duy trì hệ thống điện chiếu sáng công lộ</i>	<i>251</i>	
+	<i>Kinh phí hoạt động của các phòng ban cấp huyện chuyển về cấp xã</i>	<i>1.732</i>	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là: 83.770 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ CHƯ A THAI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.222	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	711	
-	Thuế giá trị gia tăng	682	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	25	
-	Thuế tài nguyên	4	
2	Lệ phí trước bạ	285	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	8	
4	Thuế thu nhập cá nhân	674	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.200	
7	Phí và lệ phí	207	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	207	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	137	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	137	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	61.413	
1	Chi đầu tư phát triển	864	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tính bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	864	
2	Chi thường xuyên (2)	60.054	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 39.062 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27.704	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 27.483 triệu đồng
3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	14	
4	Dự phòng chi	442	
5	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	39	
5.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)		
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
5.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	39	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	39	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	39	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	59.102	
1	Bổ sung cân đối	20.001	
2	Bổ sung mục tiêu	39	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	39.062	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	24.148	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	23.035	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>		
+	<i>Kinh phí hoạt động theo định mức</i>	1.113	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.447	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.873	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>		
+	<i>Kinh phí hoạt động theo định mức</i>	1.574	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ (huyện cấp bổ sung mục tiêu cho xã)	9.467	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	4.672	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	57	
+	<i>Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP</i>	1.865	
+	<i>Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213</i>	95	
+	<i>Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020</i>	564	
+	<i>Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKK theo NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016</i>	811	
+	<i>Kinh phí đặc thù của Huyện ủy + UBND huyện cũ chuyển về xã</i>	104	
+	<i>Kinh phí hoạt động của các phòng ban cấp huyện chuyển về cấp xã</i>	1.299	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là: 39.101 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ HIAO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.310	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	730	
-	Thuế giá trị gia tăng	645	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên	85	
2	Lệ phí trước bạ	145	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	5	
4	Thuế thu nhập cá nhân	590	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.500	
7	Phí và lệ phí	140	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại	140	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	200	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	200	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	61.531	
1	Chi đầu tư phát triển	1.080	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	1.080	
2	Chi thường xuyên (1)	59.896	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 39.242 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	28.275	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 28.057 triệu đồng
3	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	75	
4	Dự phòng chi	441	
5	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	39	
5.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung		
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
5.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	39	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	39	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	39	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	0	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ	59.126	
1	Bổ sung cân đối	19.845	
2	Bổ sung mục tiêu	39	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	39.242	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	26.579	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.020	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	3.446	
+	Quỹ tiền thưởng		
+	Kinh phí hoạt động theo định mức	1.574	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	7.642	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.705	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	57	
+	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1.170	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, DDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	44	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	264	
+	Kinh phí đặc thù của Huyện ủy + UBND huyện cũ chuyển về xã	104	
+	Kinh phí hoạt động của các phòng ban cấp huyện chuyển về cấp xã	1.299	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là: 39.281 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**PHƯỜNG AYUN PA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	10.533
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	4.755
-	Thuế giá trị gia tăng	4.515
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	150
-	Thuế tài nguyên	90
2	Lệ phí trước bạ	711
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	200
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.975
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	
7	Phí và lệ phí	457
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	
-	Phí, lệ phí còn lại	457
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	435
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	435
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	74.599
1	Chi đầu tư phát triển	
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	
2	Chi thường xuyên (2)	73.345
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	37.564
3	Dự phòng chi	574
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh đầu năm 2025	681
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	681
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	681

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	681
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	71.989
1	Bổ sung cân đối	26.365
2	Bổ sung mục tiêu	681
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	44.943
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	37.278
3.3	Bổ sung kinh phí Trung Tâm văn hóa TT&TT phường	2.009
	Trong đó: - Sự nghiệp văn hóa	909
	- Sự nghiệp phát thanh - truyền hình	735
	- Sự nghiệp thể dục thể thao	365
3.4	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.460
	Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	2.864
	- Quỹ tiền thưởng	361
	- Kinh phí hoạt động	235
3.5	Các nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu (huyện cấp bổ sung cho xã)	2.195
-	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 20/2021/NĐ-CP	1.707
-	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	56
-	Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS	30
-	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	325
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	77

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 45.624 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA RBOL

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	505
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	140
-	Thuế giá trị gia tăng	140
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
-	Thuế tài nguyên	
2	Lệ phí trước bạ	52
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	240
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	
7	Phí và lệ phí	32
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	13
-	Phí, lệ phí còn lại	19
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	41
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hương	41
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	32.392
1	Chi đầu tư phát triển	
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hương	
2	Chi thường xuyên (2)	32.117
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13.037
3	Dự phòng chi	275
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh đầu năm 2025	0
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	0
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	32.177
1	Bổ sung cân đối	13.557
2	Bổ sung mục tiêu	0
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	18.620
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	12.903
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	4.344
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	3.545
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	459
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	340
3.4	Các nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu (huyện cấp bổ sung cho xã)	1.373
-	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ 20/2021/NĐ-CP	1.100
-	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	36
-	Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS	40
-	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	136
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	61

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
 (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
 (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 18.620 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**XÃ IA SAO**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	664
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	195
-	Thuế giá trị gia tăng	195
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	
-	Thuế tài nguyên	
2	Lệ phí trước bạ	63
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	
4	Thuế thu nhập cá nhân	235
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	
6	Tiền sử dụng đất	
7	Phí và lệ phí	26
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	
-	Lệ phí môn bài	12
-	Phí, lệ phí còn lại	14
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý	
10	Thu khác và phạt các loại	145
	Trong đó:	
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	145
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (1)	27.558
1	Chi đầu tư phát triển	
	Bao gồm:	
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu	
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	
2	Chi thường xuyên (2)	27.300
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.468
3	Dự phòng chi	258
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh đầu năm 2025	0
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	0
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	0
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.	
IV	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG (3)	27.218
1	Bổ sung cân đối	12.585
2	Bổ sung mục tiêu	0
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	14.634
3.1	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã	
3.2	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	9.359
3.3	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.624
	<i>Trong đó: - Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.966
	<i>- Quỹ tiền thưởng</i>	396
	<i>- Kinh phí hoạt động</i>	263
3.4	Các nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu (huyện cấp bổ sung cho xã)	1.650
-	Kinh phí thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội theo ND 20/2021/ND-CP	1.300
-	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	27
-	Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS	30
-	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	96
-	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí	137
-	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/ND-CP ngày 8/9/2020	60

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 14.634 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ PHÚ TỨC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	11.053	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	3.138	
-	Thuế giá trị gia tăng	3.048	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	90	
2	Lệ phí trước bạ	569	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	30	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.532	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	35	
6	Tiền sử dụng đất	3.110	
7	Phí và lệ phí	434	
-	Phí, lệ phí còn lại	434	
10	Thu khác và phạt các loại	205	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	205	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	121.195	
1	Chi đầu tư phát triển	1.294	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	1.294	
2	Chi thường xuyên (2)	107.245	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 69.707 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	47.615	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 47.164 triệu đồng
3	Dự phòng chi	821	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.835	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 10.593 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	1.242	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.150	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	92	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	10.593	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	10.593	
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	10.593	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	116.029	
1	Bổ sung cân đối	34.487	
2	Bổ sung mục tiêu	11.835	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	69.707	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	47.164	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	7.808	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	5141	
+	Quỹ tiền thưởng	785	
+	Kinh phí hoạt động	1.882	
-	Kinh phí sự nghiệp thị chính, chỉnh trang đô thị (Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước: Dịch vụ công ích đô thị năm 2025	2.573	
-	Kinh phí sự nghiệp văn hóa thông tin, TDTT, PTTT, môi trường, giao thông chuyển về cấp xã	5.056	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	7.106	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	6.733	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	373	

Ghi chú:

(1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.

(2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng

(3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 80.300 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA DREH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	1.421	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	294	
-	Thuế giá trị gia tăng	294	
2	Lệ phí trước bạ	69	
4	Thuế thu nhập cá nhân	412	
6	Tiền sử dụng đất	450	
7	Phí và lệ phí	64	
-	Phí, lệ phí còn lại	64	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	132	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	132	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	63.731	
1	Chi đầu tư phát triển	324	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	324	
2	Chi thường xuyên (2)	58.287	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 35.547 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	27.806	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 27.533 triệu đồng
3	Dự phòng chi	480	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	4.639	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 4.519 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	120	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	105	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	15	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	4.519	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	4.519	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	4.519	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	62.823	
1	Bổ sung cân đối	22.637	
2	Bổ sung mục tiêu	4.639	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	35.547	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	27.533	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.173	
	<i>Trong đó:</i>		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.786	
+	Quỹ tiền thưởng	203	
+	Kinh phí hoạt động	1.184	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	4.841	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.578	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	263	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 40.066 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA RSAI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	3.960	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	551	
-	Thuế giá trị gia tăng	551	
2	Lệ phí trước bạ	190	
4	Thuế thu nhập cá nhân	989	
6	Tiền sử dụng đất	1.920	
7	Phí và lệ phí	179	
-	Phí, lệ phí còn lại	434	
10	Thu khác và phạt các loại	131	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	131	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	74.144	
1	Chi đầu tư phát triển	1.382	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	1.382	
2	Chi thường xuyên (2)	66.185	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 41.773 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	34.141	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 33.842 triệu đồng
3	Dự phòng chi	535	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	6.042	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 5.917 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	125	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	110	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	15	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.917	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	5.917	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	5.917	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)
-	Phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh		
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	71.587	
1	Bổ sung cân đối	23.772	
2	Bổ sung mục tiêu	6.042	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	41.773	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	33.842	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.216	
	<i>Trong đó:</i>		
+	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	1.855	
+	<i>Quỹ tiền thưởng</i>	209	
+	<i>Kinh phí hoạt động</i>	1.152	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	4.715	
+	<i>Kinh phí bảo trợ xã hội</i>	4.460	
+	<i>Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách</i>	255	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 47.690 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ UAR
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
1	2	3	4
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ	4.211	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	617	
-	Thuế giá trị gia tăng	607	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước	10	
2	Lệ phí trước bạ	207	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.057	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	25	
6	Tiền sử dụng đất	1.970	
7	Phí và lệ phí	153	
-	Phí, lệ phí còn lại	153	
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	182	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã hưởng	182	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	73.135	
1	Chi đầu tư phát triển	1.418	
	Bao gồm:		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã hưởng	1.418	
2	Chi thường xuyên (2)	63.875	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 40.669 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	33.261	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 32.965 triệu đồng
3	Dự phòng chi	512	
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	7.330	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 7.205 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	125	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	110	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh	15	
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.205	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	7.205	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	7.205	Phân bổ từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	70.416	
1	Bổ sung cân đối	22.417	
2	Bổ sung mục tiêu	7.330	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chi đầu tư và chi thường xuyên	40.669	
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	32.965	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	2.835	
	Trong đó:		
+	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	1.539	
+	Quỹ tiền thưởng	185	
+	Kinh phí hoạt động	1.111	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	4.869	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	4.560	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	309	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 47.874 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ CHƯ PỪH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	9.307	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	1.487	
-	Thuế giá trị gia tăng	1.487	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	784	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	31	
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.700	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	3.013	
7	Phí và lệ phí	250	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	250	
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	42	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường, hương	42	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	98.646	
1	Chi đầu tư phát triển	969	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường, hương	969	
2	Chi thường xuyên (2)	85.423	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 58.672 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.853	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 44.671 triệu đồng
3	Dự phòng chi	517	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	11.737	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 11.386 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	351	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	351	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	11.386	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	11.386	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	11.386	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	92.664	
1	Bổ sung cân đối	22.255	
2	Bổ sung mục tiêu	11.737	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	58.672	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	38.562	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	5.640	
	-Trong đó:		
	Tiền lương, phụ cấp, đóng góp	3.390	
	Quỹ tiền thưởng		
	Kinh phí hoạt động	2.250	
-	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và thể thao chuyển về xã quản lý	1.623	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	12.847	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	6.086	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	652	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	210	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	863	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKk theo ND 116/2016/ND-CP ngày 18/7/2016	358	
+	Chi chế độ chi hoạt động cho học sinh theo thông tư 109/2009/TTLT/BTC- BGD	663	
+	Kinh phí học bổng học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGD	4.015	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 58.672 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

XÃ IA LE

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	3.837	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	382	
-	Thuế giá trị gia tăng	382	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	402	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	14	
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.889	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.050	
7	Phí và lệ phí	75	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	75	
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	25	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	25	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	60.449	
1	Chi đầu tư phát triển	760	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	760	
2	Chi thường xuyên (2)	51.895	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 34.095 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	24.184	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 24.054 triệu đồng
3	Dự phòng chi	344	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	7.450	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 5.840 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	1.610	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	1.610	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	5.840	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	5.840	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	5.840	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	57.059	
1	Bổ sung cân đối	15.514	
2	Bổ sung mục tiêu	7.450	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	34.095	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	23.262	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.941	
	<i>-Trong đó:</i>		
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.691	
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>		
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	1.250	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	6.892	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	5.619	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	481	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	197	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	360	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKk theo NĐ 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016	235	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 34.095 triệu đồng.

DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
XÃ IA HRÚ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG	5.467	
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh	527	
-	Thuế giá trị gia tăng	527	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước		
-	Thuế tài nguyên		
2	Lệ phí trước bạ	546	
3	Thuế nhà đất; thuế đất phi nông nghiệp	8	
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.626	
5	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm		
6	Tiền sử dụng đất	1.472	
7	Phí và lệ phí	243	
-	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		
-	Lệ phí môn bài		
-	Phí, lệ phí còn lại		
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
9	Phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế xử lý		
10	Thu khác và phạt các loại	45	
	Trong đó:		
	Thu khác và phạt các loại ngân sách xã, phường hưởng	45	
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ (1)	98.831	
1	Chi đầu tư phát triển	1.074	
	Bao gồm:		
-	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu		
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, phường hưởng	1.074	
2	Chi thường xuyên (2)	90.332	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 57.255 triệu đồng
	Trong đó:		
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.886	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 44.656 triệu đồng
3	Dự phòng chi	653	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
4	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh	6.773	Phân bổ từ nguồn còn lại của cấp huyện đến ngày 30/6/2025 về cấp xã (do kết thúc hoạt động của cấp huyện): 6.232 triệu đồng
4.1	Kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (Vốn sự nghiệp)	541	
+	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	541	
+	Phân bổ ngân sách tỉnh		
4.2	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	6.232	
-	Phân bổ từ nguồn NSTW bổ sung	6.232	
+	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	6.232	
III	TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG		
	Thực hiện theo Quy định phân cấp nguồn thu hiện hành.		
IV	THU CHUYỂN NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG		
V	SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ (3)	94.229	
1	Bổ sung cân đối	30.201	
2	Bổ sung mục tiêu	6.773	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	57.255	
-	Chi đầu tư các danh mục cấp huyện bàn giao về xã		
-	Bổ sung kinh phí cho các trường thuộc xã quản lý	43.193	
-	Bổ sung kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện chuyển về cấp xã	3.941	
	<i>-Trong đó:</i>		
	<i>Tiền lương, phụ cấp, đóng góp</i>	2.441	
	<i>Quỹ tiền thưởng</i>		
	<i>Kinh phí hoạt động</i>	1.500	
-	Kinh phí bổ sung mục tiêu nhiệm vụ	10.121	
+	Kinh phí bảo trợ xã hội	7.504	
+	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	1.154	
+	Học bổng và mua sắm phương tiện, ĐDHT cho người KT theo thông tư liên tịch số 42/20213/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/20213	197	
+	Chính sách phát triển giáo dục mầm non theo nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 8/9/2020	639	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	GHI CHÚ
+	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã ĐBKk theo ND 116/2016/ND-CP ngày 18/7/2016	627	

Ghi chú:

- (1) Bao gồm chi từ nguồn thu ngân sách cấp xã hưởng theo phân cấp.
- (2) Dự toán chi thường xuyên năm 2025 theo mức tiền lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng.
- (3) Tổng kinh phí bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã từ nguồn còn lại đến ngày 30/6/2025 của ngân sách cấp huyện chuyển về ngân sách cấp tỉnh (do kết thúc hoạt động của cấp huyện) là 57.255 triệu đồng.